

Số: 119/2025/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HÀ NỘI

Căn cứ vào các điều 149, 212; 213; 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 103/2025/HNGĐST ngày 25 tháng 7 năm 2025 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Anh Trần Văn T, sinh năm 1982.

2/ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983.

Cùng nơi thường trú và nơi ở hiện tại: CH B902 CT1B khu nhà ở Đ, TDP số 1, phường Đ, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh N ngày 20/01/2007.

Sau khi kết hôn anh chị về chung sống với nhau tại CH B902 CT1B khu nhà ở Đ, TDP số 1, phường Đ, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do không hợp tính cách, bất đồng quan điểm sống, đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2024 đến nay. Cả hai đã cố gắng hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả.

Nay anh T và chị T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cùng đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn của anh chị.

[2] **Về con chung:** Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị T có 03 con chung là Trần Nguyễn Mai A (nữ), sinh ngày 08/01/2008; Trần Nam K (nam), sinh ngày 16/12/2012; Trần Nguyễn Minh A (nữ), sinh ngày 31/10/2017. Ly hôn, giao cho

anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thỏa thuận của anh chị là phù hợp với hoàn cảnh thực tế, ý chí, nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định của pháp luật, cần được ghi nhận.

[3] **Về tài sản chung** (động sản và bất động sản): Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị T tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] **Về nợ**: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị T xác nhận không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] **Về lệ phí**: Anh Trần Văn T tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị T.

- **Về con chung**: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị T xác nhận có 03 con chung là Trần Nguyễn Mai A (nữ), sinh ngày 08/01/2008; Trần Nam K (nam), sinh ngày 16/12/2012; Trần Nguyễn Minh A (nữ), sinh ngày 31/10/2017. Giao cho anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung** (động sản và bất động sản): Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị T tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- **Về nợ**: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị T xác nhận không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. **Về lệ phí**: Anh Trần Văn T tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm. Anh T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng lệ phí theo biên lai số 0001975 ngày 25/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội, nay chuyển thành lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 4 – Hà Nội;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Hà Nội;
- UBND phường H, tỉnh N;
- Dương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Lê Thị Ngọc Hà

